ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 84 /2026/QĐ-UBND	*Cần Thơ, ngày 20 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định việc xây dựng, tổ chức thực hiện, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ khuyến công trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương thành phố Cần Thơ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ khuyến công trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xây dựng, thực hiện, thanh quyết toán và quản lý các chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ khuyến công trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Chương trình khuyến công là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về hoạt động khuyến công trên địa bàn thành phố Cần Thơ trong từng giai đoạn được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phê duyệt nhằm mục tiêu khuyến khích phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội, lao động.

2. Kế hoạch khuyến công là tập hợp các đề án, nhiệm vụ khuyến công hằng năm trong đó đưa ra tiến độ, dự kiến kết quả cụ thể cần đạt được nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình khuyến công từng giai đoạn; kế hoạch khuyến công thành phố Cần Thơ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phê duyệt.

3. Đề án khuyến công là đề án được lập để triển khai một hoặc một số nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP. Đề án khuyến công có mục tiêu, nội dung và đối tượng thụ hưởng, có thời gian thực hiện và kinh phí xác định.

4. Nhiệm vụ khuyến công là nhiệm vụ được lập để triển khai một hoặc một số nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP do Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện để phục vụ chung cho hoạt động khuyến công trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Danh mục ngành, nghề được hưởng chính sách khuyến công

Danh mục ngành, nghề được hưởng chính sách khuyến công thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Xây dựng chương trình khuyến công

1. Cơ sở xây dựng chương trình khuyến công

Căn cứ định hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, quy hoạch phát triển ngành Công Thương và báo cáo kết quả thực hiện công tác khuyến công giai đoạn trước, định hướng công tác khuyến công giai đoạn tiếp theo.

2. Trình tự xây dựng chương trình khuyến công

a) Định kỳ năm cuối thực hiện chương trình khuyến công, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương căn cứ khoản 1 Điều này xây dựng, hoàn chỉnh dự thảo chương trình khuyến công giai đoạn tiếp theo trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

b) Quyết định phê duyệt chương trình khuyến công của Ủy ban nhân dân thành phố là căn cứ để triển khai xây dựng kế hoạch khuyến công hằng năm.

Điều 5. Xây dựng kế hoạch khuyến công

1. Cơ sở xây dựng kế hoạch khuyến công

a) Căn cứ chương trình khuyến công đã được phê duyệt.

b) Nhu cầu của các đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP.

2. Trình tự xây dựng kế hoạch khuyến công

Căn cứ khoản 1 Điều này, Sở Công Thương tổ chức thẩm định, lựa chọn đề án, nhiệm vụ khuyến công thành phố theo Điều 7 Quyết định này và tổng hợp thành kế hoạch khuyến công hằng năm, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

Điều 6. Xây dựng đề án, nhiệm vụ khuyến công

1. Việc xây dựng đề án, nhiệm vụ khuyến công được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này.

2. Nội dung đề án khuyến công

a) Đơn vị triển khai thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, địa điểm thực hiện.

b) Sự cần thiết và căn cứ của đề án.

c) Mục tiêu: Nêu cụ thể những mục tiêu của đề án cần đạt được.

d) Quy mô đề án: Nêu quy mô của đề án; nêu tóm tắt các đặc điểm vượt trội nội dung chính của đề án như về công nghệ, máy móc, sản phẩm hoặc nội dung khác đề xuất hỗ trợ.

đ) Nội dung và tiến độ: Xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện và tiến độ thực hiện; tổ chức, cá nhân thực hiện theo các nội dung công việc.

e) Dự toán kinh phí: Xác định tổng kinh phí thực hiện đề án, trong đó phân rõ cơ cấu nguồn kinh phí (kinh phí khuyến công hỗ trợ; kinh phí đóng góp của đơn vị thụ hưởng; nguồn khác). Dự toán kinh phí được lập chi tiết cho từng nội dung công việc và phải phù hợp với các quy định hiện hành.

g) Tổ chức thực hiện: Nêu rõ phương án tổ chức thực hiện đề án.

h) Hiệu quả của đề án: Nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, tính bền vững, khả năng nhân rộng (nếu có) của đề án sau khi kết thúc hỗ trợ.

i) Đề xuất, kiến nghị của đơn vị thực hiện (nếu có).

3. Nội dung nhiệm vụ khuyến công

a) Mục đích, yêu cầu và sự cần thiết.

b) Mục tiêu: Nêu cụ thể những mục tiêu của nhiệm vụ cần đạt được.

c) Nội dung và tiến độ: Xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện và tiến độ thực hiện; tổ chức, cá nhân thực hiện theo các nội dung công việc.

d) Dự toán kinh phí: Xác định tổng kinh phí thực hiện

đ) Tổ chức thực hiện: Nêu rõ phương án tổ chức thực hiện.

e) Đề xuất, kiến nghị của đơn vị thực hiện (nếu có).

Điều 7. Thẩm định, lựa chọn đề án, nhiệm vụ khuyến công

1. Sở Công Thương tổ chức thẩm định, lựa chọn đề án, nhiệm vụ khuyến công thông qua bộ máy giúp việc là thành viên thuộc các phòng chuyên môn của Sở Công Thương hoặc Hội đồng thẩm định do Giám đốc Sở Công Thương quyết

định thành lập. Thành phần Hội đồng thẩm định bao gồm lãnh đạo Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Công Thương quyết định mời chuyên gia, cán bộ chuyên môn tư vấn trong việc thẩm định, lựa chọn các đề án, nhiệm vụ khuyến công. Số lượng thành viên Hội đồng từ 7 - 9 thành viên.

2. Nguyên tắc thẩm định

a) Phù hợp với chủ trương, chính sách chung về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; chiến lược, quy hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của thành phố.

b) Phù hợp với nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công theo mức chi cho các hoạt động khuyến công được Hội đồng nhân dân thành phố ban hành.

c) Phù hợp với các chương trình khuyến công thành phố từng giai đoạn do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

d) Phù hợp các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Nội dung thẩm định

a) Sự phù hợp của đề án về đối tượng thụ hưởng và danh mục ngành, nghề được hưởng chính sách khuyến công thực hiện theo Nghị định số 45/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP.

b) Mục tiêu, sự cần thiết và hiệu quả của đề án; tính hợp lý về sử dụng kinh phí, nguồn lực và cơ sở vật chất, kỹ thuật khác.

c) Năng lực của đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng.

d) Khả năng kết hợp, lồng ghép với các dự án, chương trình mục tiêu khác.

đ) Sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu của đề án.

4. Nguyên tắc ưu tiên lựa chọn đề án, nhiệm vụ khuyến công

a) Ưu tiên lựa chọn các đề án, nhiệm vụ khuyến công theo nguyên tắc ưu tiên được quy định tại Điều 6 Thông tư số 46/2012/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2017/TT-BCT. Trường hợp các đề án triển khai trên địa bàn có điều kiện như nhau, ngành nghề như nhau thì ưu tiên lựa chọn đề án của đơn vị thụ hưởng có

kinh nghiệm, năng lực tổ chức thực hiện tốt hơn và chưa được hỗ trợ chính sách khuyến công trong 02 năm gần nhất tính từ thời điểm xét chọn đề án.

b) Khả năng kết hợp, lồng ghép với các dự án, chương trình mục tiêu khác.

c) Chỉ xem xét hỗ trợ 01 mô hình ứng dụng công nghệ mới và 01 mô hình sản xuất sản phẩm mới chưa có cơ sở nào trên địa bàn thành phố ứng dụng hoặc sản xuất đối với nội dung hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật tại thời điểm xét chọn.

d) Đối với nhiệm vụ khuyến công quy định tại khoản 4 Điều 2 Quyết định này, Hội đồng thẩm định hoặc bộ máy giúp việc xem xét, tham mưu Giám đốc Sở Công Thương lựa chọn nhiệm vụ phù hợp.

Điều 8. Phê duyệt chương trình khuyến công

Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phê duyệt chương trình khuyến công thành phố gồm:

1. Tờ trình của Sở Công Thương; Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý Sở, ngành liên quan và các hồ sơ có liên quan.

2. Dự thảo Quyết định phê duyệt Chương trình khuyến công.

Điều 9. Phê duyệt kế hoạch khuyến công

Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch khuyến công gồm:

1. Tờ trình của Sở Công Thương; biểu tổng hợp chi tiết, kèm hồ sơ các đề án, nhiệm vụ khuyến công được lựa chọn; phiếu thẩm định của Sở Công Thương hoặc Biên bản thẩm định, lựa chọn đề án, nhiệm vụ khuyến công của Hội đồng thẩm định.

2. Dự thảo Quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công.

Điều 10. Phương thức thực hiện các đề án, nhiệm vụ

1. Các đề án, nhiệm vụ thực hiện theo Luật Đấu thầu (nếu đủ điều kiện theo quy định) gồm: Tổ chức hội chợ, triển lãm trong nước và nước ngoài; hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm trong nước và nước ngoài; hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp và sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp; các đề án truyền thông.

2. Ngoài các đề án, nhiệm vụ thực hiện theo Luật Đấu thầu quy định tại khoản 1 Điều này, các đề án, nhiệm vụ khác thực hiện theo phương thức xét chọn.

Điều 11. Triển khai kế hoạch khuyến công

1. Căn cứ quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công hằng năm, Sở Công Thương chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung sau:

a) Chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công đã được phê duyệt.

b) Ký kết hợp đồng với các đơn vị liên quan để triển khai thực hiện.

c) Kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện đề án, nhiệm vụ khuyến công theo các điều khoản của hợp đồng ký kết.

d) Tổ chức nghiệm thu, thực hiện thanh quyết toán kinh phí và lưu giữ hồ sơ, tài liệu có liên quan theo quy định.

2. Đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng

a) Phối hợp tổ chức thực hiện đề án, nhiệm vụ theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ đã được phê duyệt và các điều khoản của hợp đồng đã ký kết; sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng dự toán và đúng quy định.

b) Khi hoàn thành đề án, nhiệm vụ phải có trách nhiệm tập hợp, cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ phục vụ công tác nghiệm thu thanh quyết toán đề án, nhiệm vụ khuyến công theo quy định.

Điều 12. Điều chỉnh, bổ sung, ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ

1. Nguyên tắc thực hiện

a) Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung, ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ khuyến công đơn vị thực hiện đề án, nhiệm vụ phải có văn bản gửi Sở Công Thương nêu rõ lý do cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng đề án, nhiệm vụ. Sở Công Thương xem xét, quyết định hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

b) Việc điều chỉnh, bổ sung đề án, nhiệm vụ khuyến công phải bảo đảm phù hợp mục tiêu, nội dung hoạt động khuyến công theo quy định về công tác khuyến công; tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, ngân sách nhà nước và các quy

định pháp luật có liên quan; bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí kinh phí khuyến công.

c) Việc ngừng thực hiện đề án, nhiệm vụ khuyến công được xem xét trong các trường hợp: không còn phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thành phố; tổ chức khuyến công, đơn vị thụ hưởng không đủ năng lực thực hiện hoặc có văn bản đề nghị ngừng thực hiện; vi phạm quy định pháp luật về đầu tư, tài chính, môi trường hoặc mức chi kinh phí khuyến công; không triển khai sau 06 tháng kể từ thời điểm được phê duyệt hoặc triển khai không đạt yêu cầu; không đáp ứng điều kiện thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; trường hợp bất khả kháng theo quy định pháp luật.

2. Thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung, ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ

a) Sở Công Thương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định đối với các nội dung đề nghị điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu, quy mô hoặc tăng tổng kinh phí hỗ trợ; đề nghị bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ khuyến công.

b) Sở Công Thương xem xét, quyết định điều chỉnh các nội dung không làm thay đổi mục tiêu chính; giảm hoặc không làm ảnh hưởng tổng kinh phí hỗ trợ của đề án, nhiệm vụ, cụ thể như: thay đổi địa điểm thực hiện đề án; xuất xứ, nhãn hiệu, model, công suất máy móc, thiết bị.

Điều 13. Nghiệm thu đề án, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Nghiệm thu đề án

a) Trong năm kế hoạch, tất cả các đề án đã triển khai thực hiện phải được tổ chức nghiệm thu và báo cáo kết quả thực hiện đề án.

b) Sở Công Thương tổ chức nghiệm thu, thành phần nghiệm thu gồm: lãnh đạo Sở Công Thương, lãnh đạo phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở Công Thương, lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã, phường nơi thực hiện đề án khuyến công và các đơn vị có liên quan.

c) Nội dung nghiệm thu thực hiện theo đề án và hợp đồng triển khai đề án.

d) Kết quả nghiệm thu được lập thành biên bản và làm căn cứ để thanh toán, quyết toán kinh phí, đánh giá kết quả thực hiện đề án.

2. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Đối với các nhiệm vụ khuyến công đã được phê duyệt, sau khi thực hiện hoàn thành Sở Công Thương báo cáo kết quả thực hiện và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

Điều 14. Thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí

1. Thanh lý và quyết toán kinh phí phải phù hợp với tiến độ thực hiện đề án, đảm bảo quy định của pháp luật về sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Tất cả đề án khuyến công triển khai thực hiện thông qua hình thức ký hợp đồng. Chứng từ làm căn cứ thanh, quyết toán gồm hợp đồng thực hiện nhiệm vụ kèm theo dự toán chi tiết kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt; biên bản nghiệm thu; thanh lý hợp đồng; ủy nhiệm chi hoặc phiếu chi và các tài liệu có liên quan khác theo quy định tại Phụ lục 4 Thông tư số 36/2013/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2018/TT-BCT. Đối với các nhiệm vụ khuyến công, phải thực hiện việc thanh, quyết toán theo Luật Ngân sách nhà nước và các hướng dẫn khác có liên quan. Các chứng từ thanh toán được lưu tại Sở Công Thương.

3. Trường hợp đơn vị thụ hưởng không hoàn thành các yêu cầu, mục tiêu, nội dung, kết quả, thời gian thực hiện hợp đồng vì lý do bất khả kháng, tổ chức khuyến công xem xét quyết toán theo khối lượng công việc đã thực hiện. Hồ sơ để thanh lý, quyết toán hợp đồng gồm báo cáo giải trình; biên bản nghiệm thu xác định khối lượng công việc đã thực hiện; chứng từ chi theo công việc đã thực hiện. Phần kinh phí còn lại hoàn trả ngân sách theo quy định.

4. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ khi nghiệm thu đề án cuối cùng trong năm kế hoạch, đơn vị thực hiện phải hoàn thành việc lập hồ sơ quyết toán theo quy định. Thời hạn quyết toán thực hiện theo quy định của luật Ngân sách và niên độ ngân sách hiện hành.

Điều 15. Chế độ báo cáo và giám sát đề án, nhiệm vụ khuyến công

1. Các đơn vị thực hiện đề án, nhiệm vụ khuyến công có trách nhiệm báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện theo định kỳ tháng, quý, năm và đột xuất về Sở Công Thương. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo.

2. Sở Công Thương có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả kế hoạch khuyến công chậm nhất vào ngày 25 tháng 12 hằng năm. Năm cuối chương trình, Sở Công Thương tổ chức hội nghị đánh giá hiệu quả triển khai chương trình.

3. Hằng năm, Sở Công Thương chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường (nơi triển khai đề án) và các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá hiệu quả việc thực hiện đề án khuyến công sau hỗ trợ và báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm Sở Công Thương

1. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công khi được phê duyệt.

2. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt chương trình, kế hoạch khuyến công thành phố và tổ chức thực hiện theo quy định.

3. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký nhu cầu hỗ trợ, xây dựng kế hoạch và thực hiện các đề án khuyến công khi được phê duyệt. Chịu trách nhiệm tổ chức nghiệm thu đề án và kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí khuyến công đảm bảo đúng đối tượng, mục đích và các quy định.

4. Chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định đề án, nhiệm vụ khuyến công; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát và giải quyết các vấn đề có liên quan đến thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 17. Trách nhiệm Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Công Thương, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố bố trí kinh phí theo phân cấp quản lý ngân sách, đảm bảo đúng quy định.

Điều 18. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, đối tượng thụ hưởng chính sách khuyến công thực hiện đăng ký nội dung đề nghị hỗ trợ chính sách khuyến công hằng năm.

2. Tổng hợp, lựa chọn các nội dung đề nghị hỗ trợ của các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn đăng ký gửi về Sở Công Thương tổng hợp.

3. Phối hợp thực hiện khảo sát cơ sở, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện đề án khuyến công; tham gia nghiệm thu đề án khuyến công được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên địa bàn quản lý.

4. Căn cứ điều kiện địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét trình cấp thẩm quyền phân bổ kinh phí từ ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến công cấp xã.

Điều 19. Trách nhiệm đơn vị có liên quan

1. Triển khai các nội dung đề án theo hợp đồng ký kết. Sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, đúng dự toán và quy định pháp luật.

2. Phối hợp, tạo điều kiện cho các cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, giám sát, nghiệm thu và thanh, quyết toán đề án khuyến công; báo cáo tiến độ thực hiện đề án, nhiệm vụ khuyến công theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị triển khai thực hiện đề án, nhiệm vụ khuyến công.

3. Đảm bảo và chịu trách nhiệm về các thông tin, tài liệu, báo cáo và các văn bản có liên quan đã cung cấp cho cơ quan quản lý trong quá trình xây dựng và thực hiện đề án.

4. Lưu giữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến đề án khuyến công đã triển khai để phục vụ công tác hậu kiểm.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 07. tháng 9… năm 2026.

2. Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định về xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án, mức hỗ trợ và quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND xã, phường và các đơn vị có liên quan tổ chức phổ biến và triển khai thực hiện Quyết định này. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Công Thương (Cục ĐCK);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL);
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND TPCT;
- CT và các PCT UBND TP;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể thành phố;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Công báo thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, PV

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Công Lý